

Ngày: 20/6/2024

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Các Thẩm phán: ông **Phạm Việt Cường**

ông Lê Văn Thường

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đặng Thọ Đình - Kiểm sát viên.

Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Các bi cáo bi kháng nghi:

2. Phạm Đức A1, sinh ngày 30/12/1992, tại: huyện H, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình L (*đã chết*) và bà Hà Thị H; có

vợ và 01 con (*sinh năm 2021*); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 22/3/2023, chuyển tạm giam ngày 31/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

3. Phùng Văn S, sinh ngày 10/5/1998, tại: huyện H, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn S1 và bà Nguyễn Thị H1; có vợ và 01 con (*sinh năm 2023*); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/11/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị Như T1, sinh năm 1995. Nơi cư trú: tổ A, thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2. Bà Trần Thị Thùy T2, sinh năm 1997. Nơi cư trú: số A N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

3. Bà Dương Thị Khánh H2, sinh năm 1998. Nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không liên quan đến kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 45 phút ngày 21/3/2023, tại khu vực đường N phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, Tổ công tác Công an tỉnh Q tiến hành dừng và kiểm tra xe ô tô mang biển kiểm soát 92A-061.97 do Phạm Đức A1 điều khiển, trên xe chở theo Đỗ Quốc C và bà Nguyễn Thị Như T1. Khi kiểm tra, phát hiện dưới chân nơi ghế ngồi của Đỗ Quốc C có 01 máy tính xách tay đang bật màn hình và các thiết bị khác (*ngghi vấn là thiết bị giả mạo trạm phát BTS*). Kiểm tra máy vi tính xách tay phát hiện 01 phần mềm đang chạy thể hiện các thông số mạng di động tại vị trí dừng xe ô tô: MCC, MNC, LAC, RSSI, Capture Times, MGS Send: “*Sinh viên chuyên ngành trang di?m, cân n?ng 46kg, có th? đá lu?i, có th? 69,m?m m?i m?n màng, ngoan ngoan d?u dàng, Đ ký ngay: L998.co*”. Thấy sự việc có dấu hiệu về hành vi “Xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông” quy định tại Điều 289 Bộ luật Hình sự nên Tổ công tác đã đưa Đỗ Quốc C và Phạm Đức A1 về Công an thành phố T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra xác định: Đỗ Quốc C làm nghề hướng dẫn viên du lịch tự do, chuyên dẫn các đoàn khách Trung Quốc đến du lịch tại Việt Nam. Năm 2019, trong một lần dẫn tour du lịch cho khách Trung Quốc tại thành phố Đà Nẵng thì C có gặp và biết “Lý Phong” khoảng 40 tuổi, ở tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc (*không rõ tên thực là gì và không nhớ dẫn tour cho đoàn khách nào, thời*

điểm nào); C và “Lý Phong” có trao đổi, nói chuyện với nhau qua ứng dụng “Douyin”. Tuy nhiên, sau đó ứng dụng này yêu cầu người dùng phải đăng nhập tài khoản bằng số điện thoại có mã vùng của Trung Quốc để được duy trì tài khoản nhưng C không có nên “Lý Phong” gửi link kết bạn qua phần mềm Telegram cho C (“Lý Phong” có các tài khoản ID, gồm: KK, Bla B1, Le F và Li jiam”).

Qua trò chuyện, biết C đang thất nghiệp vì ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên “Lý Phong” đề cập vấn đề với C là sẽ gửi các thiết bị giả trạm BTS để Chính phát tán tin nhắn rác cho “Lý Phong” tại Việt Nam; chỉ cần có xe ô tô, sau đó lắp đặt thiết bị này trên xe ô tô thì sẽ tự phát tán tin nhắn rác đến các thuê bao di động V, M trong bán kính 50m đến 100m khi xe ô tô di chuyển. Về thỏa thuận tiền công, “Lý Phong” trả cho C ban đầu là 1.000.000đồng/30.000 tin nhắn/01 ngày (tức hơn 33 đồng/01 tin nhắn), việc thanh toán tiền được “Lý Phong” chuyển qua tiền ảo “USDT” (01 USDT = 01 USD). Khi “Lý Phong” chuyển tiền ảo qua cho C, C bán tiền ảo trên sàn giao dịch, người mua tiền ảo chuyển tiền Việt Nam đồng vào tài khoản số 0201000583097 của Chinh mở tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh H3. Khoảng đầu tháng 8/2022, thông qua xe khách (không nhớ rõ thông tin xe khách) “Lý Phong” gửi cho C một bộ thiết bị giả lập trạm BTS (gồm 01 máy giả trạm BTS phát tán tin nhắn rác; 01 Ăng-ten; 01 bộ nguồn của máy BTS giả; 01 máy vi tính xách tay màu đen). Sau khi nhận được thiết bị này, C liên hệ với “Lý Phong”, được “Lý Phong” hướng dẫn cách thực hiện như sau:

Khi khởi động thiết bị thì thiết bị sẽ trở thành một trạm BTS giả, chèn vào giải tầng của các trạm BTS thực của các mạng V, M làm cho các thuê bao di động của các nhà mạng trong phạm vi bán kính 50m tại vị trí đặt máy sẽ được thu sóng vào thiết bị mà không đi qua trạm BTS của nhà mạng. Sau đó từ ứng dụng Teminal (tùy chỉnh số điện thoại bất kỳ) căn cứ vào IMSI (mã số cá nhân của từng nhà mạng cấp cho thuê bao) thiết bị giả lập trạm BTS thu được sẽ phát tán tin nhắn quảng cáo với nội dung do người sử dụng soạn. Khi bật thiết bị thì tình trạng hoạt động của các thiết bị di động của những người trong bán kính 50m hoạt động không bình thường, cụ thể: mất sóng viễn thông, không thực hiện được cuộc gọi đi, không nhận được cuộc gọi đến, kết nối mạng 4G bị hạ xuống mạng 2G, đồng thời điện thoại của những người này bị cưỡng bức nhận tin nhắn do thiết bị phát tán với nội dung cấu hình sẵn.

Các bước Chinh thao tác trên các thiết bị để thực hiện việc phát tán tin nhắn rác theo sự hướng dẫn của “Lý Phong” như sau:

Bước 1: sử dụng thiết bị chuyển đổi nguồn điện từ dòng điện một chiều để chuyển thành dòng điện xoay chiều 220V cung cấp nguồn điện chạy thiết bị giả mạo trạm phát sóng di động và một máy vi tính xách tay để điều khiển.

Bước 2: kết nối thiết bị định hướng và khuếch đại tín hiệu (ăng-ten) vào thiết bị giả mạo trạm phát sóng bằng 1 sợi dây kết nối.

Bước 3: kết nối máy tính xách tay đến thiết bị giả mạo trạm phát sóng di động bằng cáp ethernet. Sau đó tiến hành bật công tắc nguồn của thiết bị giả mạo trạm phát sóng di động.

Bước 4: tiến hành mở máy vi tính xách tay, sau đó mở phần cài đặt mạng của máy tính để xem đã kết nối thành công thiết bị giả mạo trạm phát sóng di động với máy tính được hay chưa? Nếu chưa kết nối thành công sẽ tiến hành điều chỉnh lại dây kết nối, sau khi kết nối thành công sẽ tiến hành bước tiếp theo.

Bước 5: mở phần mềm được lưu sẵn trên máy tính ở thư mục ngoài màn hình có tên thư mục là T3, phần mềm có tên là “Terminal”.

Bước 6: sau khi phần mềm được khởi động, tiến hành chọn vào phần Param Query để lấy các thông số bao gồm: Arfcn, MCC, MNC, LAC, Cell Id.

Bước 7: sau khi hiện các thông số thì phần mềm mới có thể hoạt động được, sau đó tiến hành chọn vào mục Param Set để sử dụng các thông số trên.

Bước 8: tiến hành chuyển trạng thái ở 2 nút RF Switch từ màu đỏ (close) sang màu xanh (open).

Bước 9: tiến hành vào mục Send Message to All để cấu hình nội dung tin nhắn do “Lý Phong” gửi trước đó và giả lập số điện thoại di động ngẫu nhiên dùng để gửi tin nhắn.

Bước 10: sau khi cấu hình xong các thông số, tiến hành nhấn vào nút “Phát tán” hình tròn trên thiết bị phát sóng giả mạo để tiến hành phát tán tin nhắn.

Bước 11: sau khi nhấn nút “Phát tán”, tiến hành đợi khoảng 2 phút, sau đó trên màn hình máy tính sẽ xuất hiện các dòng dữ liệu mà thiết bị đã gửi thành công. Dữ liệu hiển thị gồm I (số thứ tự), IMSI, IMEI/ESN, RSSI, C, Update Time, M1 (số tin nhắn gửi thành công/tổng số thiết bị được quét), đồng thời trên máy của những người trong bán kính 50m tại vị trí đặt thiết bị sẽ nhận được nội dung tin nhắn đã phát tán.

Sau khi biết cách vận hành, sử dụng, C gọi điện thoại cho Đỗ Quốc B (em ruột C) rủ B đến nhà C tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng để bàn bạc, thống nhất cách thức thực hiện phát tán tin nhắn rác. Tại đây, C và B thống nhất cách thức thực hiện là sử dụng xe ô tô của Bảo biển kiểm soát 92A-237.80 gắn thiết bị BTS lên xe và chạy phát tán tin nhắn rác (B được hưởng với số tiền 900.000đồng/ngày). Đỗ Quốc B đã sử dụng bộ thiết bị này phát tán tin nhắn rác tại thành phố Đà Nẵng khoảng 03 đến 04 ngày, thì bộ thiết bị bị hỏng, không sử dụng được. Sau đó, C liên lạc với “Lý Phong” để gửi bộ thiết bị khác. Thời điểm này, “Lý Phong” chưa trả tiền công cho C và C cũng chưa trả tiền công cho B; đối với bộ thiết bị hư hỏng này thì C để ở phía sau nhà.

Khoảng 02 tuần sau (cuối tháng 8/2022), “Lý Phong” liên lạc với C và thông báo đã gửi cho C 01 bộ thiết bị giả lập trạm BTS như lần trước để C nhận. Khi nhận, C giao cho B tiếp tục phát tán tin nhắn rác. Chính trả tiền công cho B

900.000 đồng/01 ngày/30.000 tin nhắn, C hưởng lợi chênh lệch số tiền 100.000 đồng.

Khoảng 10 ngày thì “Lý Phong” tiếp tục gửi thêm 02 bộ thiết bị nữa và yêu cầu C tìm thêm người cùng làm. Sau khi nhận các thiết bị này, C chỉ đạo B gọi thêm người để phát tán tin nhắn rác, B liên lạc và trao đổi với Phùng Văn S để cùng thực hiện. S đến gặp C và được C hướng dẫn cách thực hiện và nhận thiết bị giả lập trạm BTS để phát tán tin nhắn rác. Theo sự phân công của C, Phùng Văn S phát tán tin nhắn rác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (*S hưởng 750.000 đồng/30.000tin nhắn/01 ngày, C hưởng chênh lệch 250.000 đồng*). S phát tán từ ngày 10/9/2022 đến ngày 25/9/2022 (*15 ngày*) thì nghỉ và trả lại các thiết bị cho C.

Từ tháng 09/2022 đến ngày 31/12/2022, “Lý Phong” chuyển trả tiền công cho C số tiền là: 102.863.000 đồng, C trả tiền công cho B 71.673.000 đồng và trả cho S số tiền 17.440.000 đồng, C hưởng lợi 13.750.000 đồng.

Giữa tháng 02/2023, “Lý Phong” yêu cầu C tiếp tục thực hiện việc phát tán tin nhắn rác, tiền công thỏa thuận là 500.000 đồng/10.000 tin nhắn rác (*tức 50 đồng/01 tin nhắn, giá lần này cao hơn so với thỏa thuận lần trước*). Thời điểm này, Phùng Văn S nghỉ việc nên C thống nhất với Phạm Đức A1 cùng tham gia. Theo sự chỉ đạo của C, A1 sử dụng xe ô tô của A1 biển kiểm soát 92A-061.97 và B sử dụng xe ô tô của Bão biển kiểm soát 92A-237.80 để phát tán tin nhắn rác tại các địa phương như: thành phố Đà Nẵng, tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Quảng Nam. Từ ngày 16/3/2023 đến ngày 20/3/2023, C phân công Bão phát tán tin nhắn rác tại tỉnh Gia Lai thì bị Công an tỉnh G phát hiện và bắt quả tang. Ngày 21/3/2023, C cùng A1 phát tán tin nhắn tại địa bàn thành phố Đà Nẵng, sau đó di chuyển vào thành phố Q, khi quay ngược ra lại tỉnh Quảng Nam thì bị Tổ công tác Công an tỉnh Q phát hiện, bắt quả tang, các thiết bị và máy móc trên xe vẫn đang được cấu hình sẵn để phát tán tin nhắn, ghi nhận lịch sử phát hiện khoảng 15.000 tin nhắn được phát tán trong ngày.

Từ giữa tháng 02/2023 đến ngày 21/3/2023, “Lý Phong” thanh toán cho C số tiền là 91.700.000 đồng, C chia cho B số tiền 41.600.000 đồng, Phạm Đức A1 số tiền 31.800.000 đồng, về phần C hưởng lợi số tiền 18.300.000 đồng.

Như vậy, từ tháng 9/2022 đến ngày 21/3/2023, các bị cáo đã thực hiện việc phát tán tin nhắn rác cho “Lý Phong”, thu lợi được tổng số tiền là 194.563.000 đồng, cụ thể như sau: Đỗ Quốc C số tiền 32.050.000 đồng, Đỗ Quốc B số tiền 113.273.000 đồng, Phạm Đức A1 số tiền 31.800.000 đồng và Phùng Văn S số tiền 17.440.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 6317/KL-KTHS ngày 04/10/2023 của V2 - Bộ C1, kết luận về các thiết bị điện tử liên quan trong vụ án, cụ thể như sau:

- Mẫu vật gửi giám định là các hệ thống thiết bị giả lập trạm thu phát sóng BTS.

- Tính năng, tác dụng các thiết bị chính trong hệ thống:

+ Máy tính xách tay, máy tính bảng được sử dụng để cấu hình điều khiển hệ thống.

+ Thiết bị điện tử hình hộp chữ nhật màu đen (*kích thước 45cm x 25cm x 10cm*) là bộ xử lý trung tâm của hệ thống được sử dụng để phát tán tín hiệu đến các thuê bao di động trong vùng phủ sóng của hệ thống.

+ Thiết bị hình hộp chữ nhật, màu trắng (*kích thước khoảng 15cm x 15cm x 0,5cm*) là Ă - ten định hướng, được sử dụng để mở rộng phạm vi phát tán tín hiệu.

+ Bộ máy biến áp phát điện xoay chiều có tác dụng chuyển đổi nguồn điện một chiều thành nguồn điện 220V-AC, để cung cấp nguồn điện cho hệ thống trên hoạt động trong trường hợp không có điện lưới.

- Hệ thống thiết bị giả lập trạm thu phát sóng BTS nói trên được điều khiển để phát tán tín hiệu SMS trực tiếp đến các điện thoại di động mà không thông qua các nhà mạng.

- Khi hệ thống thiết bị giả lập trạm thu phát sóng BTS nói trên hoạt động, nó sẽ gây ra tình trạng làm mất sóng hoàn toàn hoặc một phần của nhà mạng đối với các thiết bị điện thoại di động khi các điện thoại này ở trong khu vực phát sóng của hệ thống thiết bị giả lập trạm thu phát sóng BTS, dẫn đến việc các thuê bao di động sẽ không liên lạc được hoặc liên lạc bị gián đoạn.

Qua quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Đỗ Quốc C, Đỗ Quốc B, Phạm Đức A1 và Phùng Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Quốc B, Phạm Đức A1 và Phùng Văn S phạm tội “*Xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông*” và xử phạt Đỗ Quốc B 05 năm 06 tháng tù, Phạm Đức A1 05 năm tù, Phùng Văn S 05 năm tù theo điểm b khoản 3 Điều 289 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước ½ giá trị chiếc xe ô tô biển kiểm soát 92A - 237.80 (*nhãn hiệu: Mitsubishi, số loại: Xpander, số khung: MK2LNNC1WLN003971, số máy: 4A91HQ5042, kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A - 237.80 và 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 92A - 237.80*) của bị cáo Đỗ Quốc B và trả lại ½ giá trị chiếc xe ô tô nêu trên cho bà Nguyễn Thị Như T1;

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước ½ giá trị chiếc xe ô tô biển kiểm soát 92A - 173.05 (*nhãn hiệu: KIA, số loại: RONDO, số máy: G4NAJH302293, số khung: RNYR51M6KC158510, kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A - 173.05 cấp ngày 13/5/2022*) của bị cáo Phùng Văn S và trả lại ½ giá trị chiếc xe ô tô nêu trên cho bà Dương Thị Khánh H2;

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô biển kiểm soát 92A - 061.97 (nhãn hiệu: KIA, số loại: RONDO, số khung: RNYRP51A6GC074647, số máy: G4NAFH330603, kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A - 061.97 cấp ngày 09/02/2021) của bị cáo Phạm Đức A1 và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô nêu trên cho bà Trần Thị Thùy T2.

(Các vật chứng nêu trên hiện nay đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/12/2023 và ngày 11/4/2024).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án; tuyên về xử lý một số vật chứng khác của vụ án; quyết định về án phí và quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án dân sự theo quy định pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 27/QĐ-VC2 ngày 09/5/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước toàn bộ xe ô tô BKS 92A237.80 của bị cáo Đỗ Quốc B; xe ô tô BKS 92A-173.05 của bị cáo Phùng Văn S; xe ô tô BKS 92A-061.97 của bị cáo Phạm Đức A1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên Quyết định kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phần xử lý vật chứng vụ án, tịch thu sung công quỹ Nhà nước toàn bộ xe ô tô BKS 92A237.80 của bị cáo Đỗ Quốc B; xe ô tô BKS 92A-173.05 của bị cáo Phùng Văn S; xe ô tô BKS 92A-061.97 của bị cáo Phạm Đức A1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại Quyết định kháng nghị số 27/QĐ-VC2 ngày 09/5/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Quyết định kháng nghị trong thời hạn quy định tại Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự, do vậy Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2022 đến ngày 31/12/2022 và từ tháng 02/2023 đến ngày 21/3/2023, theo yêu cầu của một người có tên “Lý Phong” (không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể), Đỗ Quốc C đã bàn bạc, thống nhất với các bị cáo Đỗ Quốc B, Phạm Đức A1 và Phùng Văn S sử dụng xe ô tô

cá nhân gắn các thiết bị giả trạm BTS để di chuyển trên các tuyến đường có mật độ dân cư đông ở các đô thị bao gồm các tỉnh, thành phố: Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Gia Lai nhằm xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông V, M2 để phát tán các tin nhắn rác, gây mất sóng hoặc giảm chất lượng sóng mạng viễn thông của các thuê bao di động V và M trong phạm vi phát sóng. Các bị cáo được “Lý Phong” chi trả tiền thông qua Đỗ Quốc C, tổng cộng là 194.563.000 đồng; trong đó, C đã trả cho Đỗ Quốc B số tiền 113.273.000 đồng; trả cho Phạm Đức A1 số tiền 31.800.000 đồng; trả cho Phùng Văn S số tiền 17.440.000 đồng.

Tại Công văn số 1661/CNVTQĐ-TTKT ngày 24/3/2023 của Tập đoàn C2 đã cung cấp thông tin như sau: các trạm BTS của V là thành phần cấu thành nên hệ thống hạ tầng mạng lưới viễn thông của V; tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 05/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 về điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tập đoàn C2 quy định chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của V về quốc phòng, an ninh, như sau: “Trực tiếp xây dựng, quản lý hạ tầng mạng lưới viễn thông, bảo đảm hạ tầng mạng lưới viễn thông của V làm nhiệm vụ vụ hồi, dự phòng cho mạng thông tin quân sự trong thời bình và chuyển sang phục vụ quốc phòng, an ninh khi có tình huống; sẵn sàng đảm bảo thông tin liên lạc khi có yêu cầu và đảm bảo nhiệm vụ thông tin quân sự khác”.

Tại Công văn số 1115/MOBIFONE-VP ngày 27/3/2023 của Tổng Công ty M2 đã cung cấp thông tin như sau: các trạm BTS của M2 thuộc cơ sở hạ tầng viễn thông của Tổng Công ty. Khoản 1 Điều 4 Luật Viễn thông thể hiện chính sách của Nhà nước về viễn thông, cụ thể: “Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư, kinh doanh viễn thông để phát triển nhanh và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng viễn thông, đa dạng hóa dịch vụ viễn thông, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân”.

Tại Bản kết luận giám định số 6317/KL-KTHS ngày 04/10/2023 của V2 - Bộ C1, kết luận về các thiết bị điện tử liên quan trong vụ án, cụ thể như sau:

- Mẫu vật gửi giám định là các hệ thống thiết bị giả lập trạm thu phát sóng BTS.

- Tính năng, tác dụng các thiết bị chính trong hệ thống:

- + Máy tính xách tay, máy tính bảng được sử dụng để cấu hình điều khiển hệ thống.

- + Thiết bị điện tử hình hộp chữ nhật màu đen (*kích thước 45cm x 25cm x 10cm*) là bộ xử lý trung tâm của hệ thống được sử dụng để phát tán tin nhắn đến các thuê bao di động trong vùng phủ sóng của hệ thống.

- + Thiết bị hình hộp chữ nhật, màu trắng (*kích thước khoảng 15cm x 15cm x 0,5cm*) là Ă - ten định hướng, được sử dụng để mở rộng phạm vi phát tán tin nhắn.

+ Bộ máy biến áp phát điện xoay chiều có tác dụng chuyển đổi nguồn điện một chiều thành nguồn điện 220V-AC, để cung cấp nguồn điện cho hệ thống trên hoạt động trong trường hợp không có điện lưới.

- Hệ thống thiết bị giả lập trạm thu phát sóng BTS nói trên được điều khiển để phát tán tin nhắn SMS trực tiếp đến các điện thoại di động mà không thông qua các nhà mạng.

- Khi hệ thống thiết bị giả lập trạm thu phát sóng BTS nói trên hoạt động, nó sẽ gây ra tình trạng làm mất sóng hoàn toàn hoặc một phần của nhà mạng đối với các thiết bị điện thoại di động khi các điện thoại này ở trong khu vực phát sóng của hệ thống thiết bị giả lập trạm thu phát sóng BTS, dẫn đến việc các thuê bao di động sẽ không liên lạc được hoặc liên lạc bị gián đoạn.

Với các hành vi trên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam kết tội Đỗ Quốc B, Phạm Đức A1 và Phùng Văn S “*Xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông*” theo điểm b khoản 3 Điều 289 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng pháp luật.

Về xử lý vật chứng vụ án: Tòa án cấp sơ căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên xử:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô biển kiểm soát 92A-237.80 (nhãn hiệu: Mitsubishi, số loại: Xpander, số khung: MK2LNNC1WLN003971, số máy: 4A91HQ5042, kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A - 237.80 và 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 92A - 237.80) của bị cáo Đỗ Quốc B và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô nêu trên cho bà Nguyễn Thị Như T1 (vợ bị cáo B).

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô biển kiểm soát 92A - 173.05 (nhãn hiệu: KIA, số loại: RONDO, số máy: G4NAJH302293, số khung: RNYR51M6KC158510, kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A - 173.05 cấp ngày 13/5/2022) của bị cáo Phùng Văn S và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô nêu trên cho bà Dương Thị Khánh H2 (vợ bị cáo S).

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô biển kiểm soát 92A-061.97 (nhãn hiệu: KIA, số loại: RONDO, số khung: RNYRP51A6GC074647, số máy: G4NAFH330603, kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A - 061.97 cấp ngày 09/02/2021) của bị cáo Phạm Đức A1 và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô nêu trên cho bà Trần Thị Thùy T2 (vợ bị cáo A1).

[3]. Xét Quyết định kháng nghị số 27/QĐ-VC2 ngày 09/5/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử thấy:

Khi thực hiện hành vi phạm tội, Đỗ Quốc B, Phùng Văn S và Phạm Đức A1 đã dùng ô tô cá nhân của các bị cáo làm phương tiện phạm tội, các bị cáo gắn thiết bị BTS lên xe và chạy để phát tán tin nhắn rác, nhằm gây mất sóng hoặc giảm chất lượng sóng mạng viễn thông của các thuê bao di động V và M trong phạm vi phát sóng trên địa bàn tỉnh, thành phố Q, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Gia Lai. Xe ô tô biển kiểm soát 92A - 237.80 của Đỗ Quốc B; xe ô tô biển kiểm

soát 92A – 173.05 của Phùng Văn S; xe ô tô mang BKS 92A – 061.97 của Phạm Đức A1 là vật chứng vụ án đã bị thu giữ trong giai đoạn điều tra vụ án.

Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự quy định về tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:

“1. Việc tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy được áp dụng đối với:

a) Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội;”

Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự về xử lý vật chứng quy định: *“ a) Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy;”*

Các bị cáo dùng xe ô tô cá nhân của mình làm phương tiện phạm tội nên các phương tiện này phải bị tịch thu toàn bộ để sung công quỹ nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định xe ô tô các bị cáo dùng vào việc phạm tội là tài sản chung của vợ chồng, vợ các bị cáo không biết các bị cáo sử dụng xe ô tô làm phương tiện phạm tội nên chỉ tuyên tịch thu ½ giá trị và trả lại ½ giá trị của 03 xe ô tô nêu trên cho vợ của các bị cáo là không đúng quy định của pháp luật về xử lý vật chứng vụ án, quy định về tịch thu tang vật trực tiếp liên quan đến tội phạm. Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 27/QĐ-VC2 ngày 09/5/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng theo hướng tịch thu sung công quỹ Nhà nước toàn bộ xe ô tô BKS 92A-237.80 của bị cáo Đỗ Quốc B, xe ô tô BKS 92A-173.05 của bị cáo Phùng Văn S, xe ô tô BKS 92A-061.97 của bị cáo Phạm Đức A1 là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong trường hợp chị Dương Thị Khánh H2 (vợ bị cáo S), chị Nguyễn Thị Như T1 (vợ bị cáo B), chị Trần Thị Thùy T2 (vợ bị cáo A1) có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc yêu cầu bồi thường một phần giá trị của tài sản chung mà các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội thì được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng vụ án.

[5]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 27/QĐ-VC2 ngày 09/5/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phần xử lý vật chứng vụ án.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước toàn bộ xe ô tô biển kiểm soát 92A - 237.80 (*nhãn hiệu: Mitsubishi, số loại: Xpander, số khung: MK2LNNC1WLN003971, số máy: 4A91HQ5042, kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A - 237.80 và 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 92A - 237.80*) của bị cáo Đỗ Quốc B;

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước toàn bộ xe ô tô biển kiểm soát 92A - 173.05 (*nhãn hiệu: KIA, số loại: RONDO, số máy: G4NAJH302293, số khung: RNYR51M6KC158510, kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A - 173.05 cấp ngày 13/5/2022*) của bị cáo Phùng Văn S;

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước toàn bộ xe ô tô biển kiểm soát 92A - 061.97 (*nhãn hiệu: KIA, số loại: RONDO, số khung: RNYRP51A6GC074647, số máy: G4NAFH330603, kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A - 061.97 cấp ngày 09/02/2021*) của bị cáo Phạm Đức A1.

(*Các vật chứng nêu trên hiện nay đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/12/2023 và ngày 11/4/2024*).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Bị hại;
- Lưu: HSA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Trần Đức Kiên